

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/ DS-ST

Ngày: 08-6-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Bà Nguyễn Hồng Phần – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 42/2018/ TLST- DS ngày 23 tháng 03 năm 2018 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : Chị Kim Thị H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số 328/25, ấp H1, xã P, huyện H, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Đ1, xã P, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị H trình bày: Do quen biết nên vào ngày 28/01/2018 chị có cho anh P vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay anh P có hứa vào ngày 10/3/2018 anh P trả vốn và lãi cho chị, nhưng lãi suất bao nhiêu chị và anh P không có thỏa thuận trước. Anh P có viết tờ cam kết và thế chấp cho chị 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-603.40 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân(bản photo). Từ khi vay cho đến nay anh P không thực hiện theo nội dung cam kết, chị có đòi nhiều lần nhưng anh P cố tình tránh né. Vì vậy chị yêu cầu anh P trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi, khi nhận đủ tiền chị đồng ý trả lại cho anh P 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-603.40 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân (bản photo) đứng tên Phạm Văn P.

-Bị đơn anh Phạm Văn P vắng mặt trong các phiên hòa giải. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2018 anh P trình bày: Do quen biết với chị Kim Thị H nên anh có vay tiền của chị H nhiều lần. Đến ngày 28/01/2018 anh có viết tờ cam kết hẹn đến ngày 10/03/2018 sẽ trả đủ cho chị H số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, tờ cam kết là do anh viết và ký tên. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 10.000.000 đồng, 10 ngày đóng 500.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi đóng cho chị H anh không nhớ. Theo yêu cầu của chị H, anh đồng ý trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu chị H trả lại cho anh 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-603.40 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân (bản chính) đứng tên Phạm Văn P.

**Tại phiên tòa các đương sự trình bày:*

-Chị Kim Thị H trình bày: Chị có cho anh P vay 02 lần , 01 lần vay 20.000.000 đồng và 01 lần vay 30.000.000 đồng. Sau đó chị nghe anh P có chuyện ở cơ quan, sợ anh P nghĩ việc nên chị yêu cầu anh P viết tờ cam kết cho chị là vay số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến 10/3/2018 trả đủ tiền gốc và lãi. Chị có nhận của anh P 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-603.40 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Văn P (bản photo). Chị yêu cầu anh P trả cho chị 50.000.000 đồng và đồng ý hỗ trợ cho anh P 500.000 đồng tiền làm lại giấy chứng minh nhân dân, chị đồng ý trả lại các giấy tờ trên cho anh P.

-Anh Phạm Văn P trình bày: Anh P thừa nhận còn nợ chị H 50.000.000 đồng. Anh xin trả dần 05 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và yêu cầu chị H trả lại cho anh, 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-603.40 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Văn P (bản chính).

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh P trả cho chị H số tiền vay 50.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại cho anh P 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 64B1-60340, 01 giấy phép lái xe tên Phạm Văn P và hỗ trợ anh P 500.000 đồng để làm giấy chứng minh nhân dân. Về án phí: Buộc anh P nộp 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu anh P trả cho chị số tiền vay gốc 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trước đây giữa chị H và anh P có giao dịch vay tiền nhiều lần. Vào ngày 28/01/2018 anh P có viết tờ cam kết vay của chị H số tiền 50.000.000 đồng, cam kết đến ngày 28/3/2018 sẽ trả cho chị H. Đến nay anh P chưa trả cho chị H số tiền trên. Điều này được chị H và anh P thừa nhận. Do đó đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét thấy hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên anh P có vay của chị H 50.000.000 đồng đã hết thời hạn trả nợ nhưng anh P không trả. Do đó chị H yêu cầu anh P trả cho chị H 50.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Xét yêu cầu xin trả dần của anh P là chưa có cơ sở, bởi vì chị H không đồng ý và pháp luật không có quy định về việc trả dần, nên không được chấp nhận.

[4]. Về tiền lãi: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản thế chấp: Chị H trình bày anh P có thể chấp cho chị 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-60340 (bản chính), 01 giấy chứng minh nhân dân (photo). Anh P trình bày có thể chấp cho chị H 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-60340 (bản chính), 01 giấy chứng minh nhân dân (bản chính) mang tên Phạm Văn P. Chị H không chứng minh được chị nhận của anh P giấy chứng minh nhân dân là bản photo, anh P cũng không chứng minh được chị H nhận của anh là giấy chứng minh nhân dân là bản chính. Tại tờ cam kết đề ngày 28/01/2018 do anh P viết có ghi nội dung như sau “ *Tôi có thể chấp 01 giấy chủ quyền xe và 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân để làm bằng chứng*”, tờ cam kết này do chính tay anh P viết, nhưng anh cũng không ghi rõ là bản chính hay bản photo. Ngoài ra anh P có cung cấp 02 biên nhận đề ngày 22/8 (al) vay số tiền 20.000.000 đồng có thể chấp 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chủ quyền xe mang tên Phạm Văn P và 01 biên nhận đề ngày 10/8/2017(al) vay số tiền 30.000.000 đồng có thể chấp chủ quyền xe mang tên Phạm Văn P. Tại biên bản đối chất ngày 22/5/2018 anh P trình bày số tiền vay 50.000.000 đồng được tổng hợp từ biên nhận đề ngày 22/8(al) và 10/8/2017(al), nhưng 02 biên nhận này lại không có nội dung thế chấp giấy chứng minh nhân dân, tại buổi đối chất anh P cũng thừa nhận đó là sự thiếu sót của anh. Do đó việc anh P cho rằng anh thế chấp cho chị H giấy chứng minh nhân dân (bản chính) là chưa có căn cứ. Do đó buộc chị H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh P 01 giấy phép lái xe (bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-603.40 mang tên Phạm Văn P.

[6]. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cũng có thiện chí sẽ hỗ trợ chi phí để anh P làm giấy chứng minh nhân dân với số tiền 500.000 đồng. Điều này là có lợi cho anh P, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của của H.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh P phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc anh Phạm Văn P trả cho chị Kim Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Buộc chị Kim Thị H trả cho anh Phạm Văn P 01 giấy phép lái xe mang số H489057 cấp ngày 30/12/2002(bản chính), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-60340 (bản chính) mang tên Phạm Văn P.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị H hỗ trợ cho anh Phạm Văn P chi phí làm giấy chứng minh nhân dân là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

4. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn P nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Kim Thị H 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001393 ngày 23 tháng 03 năm 2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng